

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày 29 - 8 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay có
cầm cố tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Dũng và bà Bùi Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5
- Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 475/2024/TLST–DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường V, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANORWATPAISAL NAPAT - Sinh năm 1972 - Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hoàn T - Sinh năm 1996 (Theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023). Nơi thường trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ liên hệ: Số B N, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa); (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm: 1996; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố G, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S tiền có ngay (gọi tắt là Công ty S) có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 2901807716. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Ngày 06/11/2020, ông Nguyễn Tuấn Đ có ký với Công ty S Hợp đồng cầm cố số PRM201101006NA16X; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy, số hợp đồng PRM201101006NA16X; Phụ lục hợp đồng cầm cố điều khoản chung số PRM201101006NA16X; cụ thể như sau: Tài sản cầm cố: Xe máy. Loại xe: Hai bánh nhãn hiệu YAMAHA Exciter 150cc màu xanh bạc. Số máy: G3D4E213943. Số khung: 0610GY201033. Biển số: 85E1-100.87. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008447 do Phòng C - Công an tỉnh N cấp ngày 01/10/2018. Số tiền cầm cố tài sản (xe máy): 19.140.000 đồng. Mục đích cầm cố: Vay tiền phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Thời hạn cầm cố: 12 tháng kể từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/11/2021. Lãi suất cầm cố cố định là: 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Phí đăng ký và xóa giao dịch đảm bảo là: 150.000 đồng/lần (thu 01 lần tại thời điểm giao kết hợp đồng). Phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Hàng tháng ông Nguyễn Tuấn Đ thanh toán số tiền 2.171.674,66 đồng vào ngày 06 hàng tháng từ tháng 12/2020 đến tháng 11/2021.

Trong ngày 06/11/2020, ông Nguyễn Tuấn Đ và Công ty S có ký kết “Giấy mượn xe”; cụ thể như sau: Do ông Nguyễn Tuấn Đ không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân nên Công ty S cho ông Nguyễn Tuấn Đ mượn lại chiếc xe máy biển số 85E1-100.87 nêu trên trong thời hạn 30 ngày, từ ngày 06/11/2020 đến ngày 06/12/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Tuấn Đ đã thanh toán cho Công ty S 06 kỳ, tổng số tiền gốc và lãi là 15.573.000 đồng (cụ thể: Ngày 09/12/2020 thanh toán 2.172.000đ; Ngày 06/01/2021 thanh toán 2.172.000 đồng; Ngày 11/03/2021 thanh toán 4.439.000 đồng; Ngày 20/04/2021 thanh toán 2.220.000đ; Ngày 29/06/2021 thanh toán 2.370.000 đồng; Ngày 25/10/2021, thanh toán 2.200.000 đồng). Trong đó gồm: Tiền gốc: 8.682.411 đồng, lãi suất trong hạn: 1.172.902 đồng, phí thẩm định 4.265.100 đồng, lãi quá hạn: 1.452.100 đồng. Số tiền ông Nguyễn Tuấn Đ đã thanh toán được trừ vào 6 kỳ đóng, số tiền còn dư 530.000 đồng Công ty Sawad trừ vào số tiền gốc phải đóng của kỳ thứ 7 cho ông Nguyễn Tuấn Đ.

Sau đó, ông Nguyễn Tuấn Đ thực hiện không đúng nghĩa vụ cam kết nên ngày 06/6/2021, Công ty S đã chuyển toàn bộ nợ của ông Nguyễn Tuấn Đ sang nợ quá hạn. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Công ty đề nghị ông

Nguyễn Tuấn Đ phải thanh toán cả gốc lẫn lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 19.268.756 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 10.457.589 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.811.167 đồng. Ông Nguyễn Tuấn Đ còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thanh toán nợ xong cho Công ty S theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố.

Sau khi ông Nguyễn Tuấn Đ trả xong tiền nợ, Công ty S sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số : 008447 do Phòng C - Công an tỉnh N cấp ngày 01/10/2018 cho ông Nguyễn Tuấn Đ và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Công ty xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu buộc ông Nguyễn Tuấn Đ phải giao trả lại chiếc xe máy biển số 85E1-100.87 mà ông Nguyễn Tuấn Đ đã cầm cố cho Công ty S. Ngoài ra, Công ty S không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn Đ: Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Tuấn Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu bị đơn trả lại tài sản cầm cố là xe máy hiệu Honda, loại Yamaha, biển số 85E1-100.87. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi căn cứ theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn Đ phải thanh toán số tiền đã nhận khi cầm cố tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm

cổ tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại phường B, tỉnh Khánh Hòa, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với ông Nguyễn Tuấn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng: PRM201101006NA16X ngày 06/11/2020 (mục đích cầm cố tài sản: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh), phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy (để vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản), văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm số đăng ký 1389593158 ngày 09/11/2020, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 06/11/2020, giữa Công ty S và ông Nguyễn Tuấn Đ có thỏa thuận và ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản là xe máy hiệu HONDA, loại Yamaha, biển số 85E1-100.87, để vay số tiền là 19.140.000 đồng, Công ty S đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Tuấn Đ đủ số tiền trên (sau khi trừ chi phí đã thỏa thuận theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết). Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và ông Nguyễn Tuấn Đ được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định hợp đồng hợp pháp là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông Nguyễn Tuấn Đ đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 15.573.000 đồng. Trong đó gồm: Tiền gốc: 8.682.411 đồng, lãi suất trong hạn: 1.172.902 đồng, phí thẩm định 4.265.100 đồng, lãi quá hạn: 1.452.100 đồng. Sau đó ông Nguyễn Tuấn Đ không thanh toán khoản tiền nào cho Công ty S nên đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố đã ký nên ông Nguyễn Tuấn Đ phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 29/8/2025, ông Nguyễn Tuấn Đ còn nợ Công ty S số tiền là 19.268.756 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 10.457.589 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.811.167 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, ông Nguyễn Tuấn Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty SAWAD các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tuấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ghi nhận ý kiến của Công ty S về việc ngay sau khi ông Nguyễn Tuấn Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho ông Nguyễn Tuấn Đ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 008447 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh N cấp ngày 01/10/2018 cho ông Nguyễn Tuấn Đ và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tuấn Đ không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tài liệu, chứng cứ do Công ty S cung cấp nên có cơ sở khẳng định ông Nguyễn Tuấn Đ đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định của pháp luật quy định.

[2.6] Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn Đ.

Buộc ông Nguyễn Tuấn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền 19.268.756 đồng (*bằng chữ: mười chín triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 10.457.589 đồng, nợ lãi quá hạn: 8.811.167 đồng.

Ông Nguyễn Tuấn Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà Công ty cổ phần S có ngay và ông Nguyễn Tuấn Đ thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố, kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngay sau khi ông Nguyễn Tuấn Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có ngay có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Tuấn Đ bản chính Giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 008447 do Phòng C Công an tỉnh N (nay là Công an tỉnh K) cấp cho ông Nguyễn Tuấn Đ ngày 01/10/2018 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Tuấn Đ phải chịu 963.000 đồng (*bằng chữ: chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 725.000 đồng (*bằng chữ: bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0003304 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Khánh Hòa).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa ;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trần Thanh Thu